

BỘ CÂU HỎI – ĐÁP

THÔNG TƯ SỐ 94/2026/TT-BTC

Quy định về quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro trong quản lý thuế

I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Câu 1. Thông tư số 94/2026/TT-BTC quy định về nội dung gì?

Trả lời:

Thông tư quy định về quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro trong quản lý thuế, gồm: thu thập, xử lý, quản lý, sử dụng thông tin liên quan đến người nộp thuế phục vụ quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro; tiêu chí đánh giá, phân loại mức độ rủi ro và việc áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ quản lý thuế; tiêu chí đánh giá việc tuân thủ pháp luật của người nộp thuế và các hoạt động quản lý tuân thủ trong quản lý thuế.

Câu 2. Thông tư số 94/2026/TT-BTC có hiệu lực từ thời điểm nào?

Trả lời: Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026, thay thế Thông tư số 31/2021/TT-BTC.

Câu 3. Đối tượng áp dụng của Thông tư số 94/2026/TT-BTC gồm những ai?

Trả lời: Đối tượng áp dụng gồm: người nộp thuế; cơ quan thuế; công chức thuế; cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động quản lý thuế.

Câu 4. Thông tư số 94/2026/TT-BTC thay thế văn bản nào?

Trả lời: Thông tư thay thế Thông tư số 31/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế.

Câu 5. So với Thông tư số 31/2021/TT-BTC, Thông tư số 94/2026/TT-BTC có gì khác biệt về cách tiếp cận?

Trả lời: Thông tư số 31/2021/TT-BTC chỉ tập trung vào "áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế". Thông tư số 94/2026/TT-BTC mở rộng cách tiếp cận sang "quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro trong quản lý thuế", xây dựng cơ chế quản lý tuân thủ riêng và coi kết quả phân loại tuân thủ là yếu tố đầu vào không thể thiếu cho việc phân loại rủi ro trong từng nghiệp vụ.

II - KHÁI NIỆM, NGUYÊN TẮC VÀ CÔNG CỤ QUẢN LÝ

Câu 6. Phân hệ quản lý tuân thủ và rủi ro thuế là gì?

Trả lời: Là lớp chức năng chuyên ngành thuộc Hệ thống quản trị thuế của ngành Thuế.

Phân hệ được xây dựng để phục vụ việc thu thập, xử lý, phân tích thông tin; đánh giá, phân loại mức độ tuân thủ pháp luật thuế, mức độ rủi ro của người nộp thuế; hỗ trợ đề xuất, điều phối, giám sát, truy vết và phản hồi kết quả áp dụng các biện pháp quản lý thuế theo quy định của pháp luật.

Câu 7. Số đăng ký rủi ro là gì?

Trả lời: Là cơ sở dữ liệu lưu trữ thông tin về các rủi ro trên Phân hệ quản lý tuân thủ và rủi ro thuế.

Số đăng ký rủi ro cho phép tra cứu định nghĩa, mức độ hậu quả, số lượng và loại hình người nộp thuế liên quan đến rủi ro đó; báo cáo đánh giá, tiêu chí và quy tắc chấm điểm, cùng kế hoạch và biện pháp xử lý phù hợp với quy mô và mức xếp hạng rủi ro của mỗi rủi ro sau khi phân tích.

Câu 8. Mức độ tuân thủ pháp luật thuế và mức độ rủi ro của người nộp thuế được xác định theo phương pháp nào?

Trả lời: Được xác định theo một hoặc kết hợp các phương pháp: (1) phương pháp chấm điểm và phân loại theo điểm; (2) phương pháp học máy (machine learning) – sử dụng các thuật toán tính toán, thống kê trên máy tính để xác định các mô hình, hàm số, chỉ số giúp phân loại, dự báo mức độ rủi ro; (3) phương pháp xếp hạng theo danh mục – đối chiếu người nộp thuế với các tiêu chí, chỉ số về quá trình hoạt động và chấp hành pháp luật thuế, sắp xếp theo các nhóm tương ứng với mỗi mức xếp hạng.

Câu 9. Việc ứng dụng học máy, trí tuệ nhân tạo trong Phân hệ quản lý tuân thủ và rủi ro thuế có thay thế thẩm quyền quyết định của cơ quan thuế không?

Trả lời: Không. Kết quả phân tích, cảnh báo, dự báo, chấm điểm, phân loại hoặc đề xuất của Phân hệ là căn cứ hỗ trợ cơ quan thuế, công chức thuế có thẩm quyền trong quá trình xem xét, lựa chọn, quyết định và tổ chức thực hiện biện pháp quản lý thuế; không thay thế trách nhiệm của cơ quan thuế, công chức thuế có thẩm quyền trong việc ban hành quyết định hành chính thuế hoặc thực hiện biện pháp nghiệp vụ quản lý thuế.

Câu 10. Trường hợp Phân hệ quản lý tuân thủ và rủi ro thuế gặp sự cố thì xử lý như thế nào?

Trả lời: Trường hợp Phân hệ quản lý tuân thủ và rủi ro thuế gặp sự cố hoặc chưa đáp ứng yêu cầu áp dụng quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro, việc thực hiện được tiến hành thủ công trên cơ sở phê duyệt bằng văn bản của người có thẩm quyền theo quy định của Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Sau khi Phân hệ hoạt động trở lại, các thông tin, dữ liệu và kết quả xử lý tạm thời phải được cập nhật, đối soát, đồng bộ đầy đủ vào Phân hệ theo quy định.

Câu 11. Công chức thuế có phải chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hiện đúng quy định về quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro không?

Trả lời: Không. Theo khoản 9 Điều 4 Thông tư, công chức thuế không phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các hành vi đã thực hiện đúng quy định tại Thông tư này và các hướng dẫn về quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro khi thi hành nhiệm vụ.

III - QUẢN LÝ TUÂN THỦ TRONG QUẢN LÝ THUẾ

Câu 12. Người nộp thuế được phân loại theo những mức độ tuân thủ pháp luật thuế nào?

Trả lời: Người nộp thuế được đánh giá, phân loại theo một trong 4 mức: Mức 1 – Tuân thủ tốt; Mức 2 – Tuân thủ trung bình; Mức 3 – Tuân thủ thấp; Mức 4 – Không tuân thủ. Việc phân loại dựa trên các tiêu chí quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư.

Câu 13. Người nộp thuế tuân thủ tốt được hưởng lợi ích gì?

Trả lời: Người nộp thuế thuộc mức tuân thủ tốt được đưa vào danh sách để xem xét, lựa chọn tuyên dương, khen thưởng theo quy định đối với người nộp thuế chấp hành tốt pháp luật thuế; đồng thời được áp dụng chế độ ưu tiên trong quản lý thuế khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP.

Câu 14. Người nộp thuế thuộc mức không tuân thủ bị xử lý như thế nào?

Trả lời: Đối với người nộp thuế thuộc mức không tuân thủ, cơ quan thuế thực hiện các biện pháp kiểm soát, giám sát trọng điểm theo quy định tại Điều 9 và áp dụng các biện pháp nâng cao tuân thủ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

Câu 15. Các biện pháp nâng cao tuân thủ pháp luật thuế gồm những gì?

Trả lời: Căn cứ kết quả phân loại mức độ tuân thủ, cơ quan thuế phân tích bản chất hành vi, quy mô của mỗi mức độ tuân thủ để xây dựng kế hoạch nâng cao tuân thủ với các biện pháp: phối hợp với các cơ quan nhà nước, tổ chức liên quan, đại lý thuế để triển khai các biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn; tổ chức các chương trình tiếp xúc, hội nghị đối thoại, hội thảo; nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách, đơn giản hóa thủ tục hành chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí tuân thủ cho người nộp thuế; đồng thời thực hiện phân loại rủi ro và áp dụng các biện pháp quản lý thuế tương ứng với các mức rủi ro.

Câu 16. Việc giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch nâng cao tuân thủ được thực hiện như thế nào?

Trả lời: Thường xuyên, báo cáo giữa kỳ (tháng 6) và cuối kỳ (tháng 12) hằng năm. Cục trưởng Cục Thuế phân công cho các đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch nâng cao tuân thủ và báo cáo cơ quan cấp trên. Nội dung giám sát gồm: việc tổ chức triển khai kế hoạch; hiệu lực, hiệu quả các biện pháp xử lý; việc cải thiện mức độ tuân thủ tổng thể của các nhóm người nộp thuế; công tác tổ chức bộ máy và nguồn lực triển khai thực hiện.

IV - QUẢN LÝ RỦI RO TRONG QUẢN LÝ THUẾ

Câu 17. Mức độ rủi ro của người nộp thuế trong các nghiệp vụ quản lý thuế được phân loại theo mấy mức?

Trả lời: Mức độ rủi ro của người nộp thuế trong từng nghiệp vụ quản lý thuế được phân loại theo 3 mức: rủi ro cao, rủi ro trung bình, rủi ro thấp; được xác định dựa trên cơ sở các chỉ số tiêu chí đánh giá rủi ro phù hợp với đặc thù của từng nghiệp vụ, lựa chọn từ hệ thống tiêu chí quy định tại Phụ lục II, Phụ lục III kèm theo Thông tư, kết hợp với kết quả đánh giá tuân thủ pháp luật thuế tại Điều 10 Thông tư.

Câu 18. Trong đăng ký thuế, người nộp thuế rủi ro cao khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế bị xử lý như thế nào?

Trả lời: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15. Đối với người nộp thuế rủi ro trung bình và rủi ro thấp, cơ quan thuế áp dụng các biện pháp đôn đốc người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ thuế trước khi giải thể, phá sản, ngừng hoạt động theo quy định.

Câu 19. Nguyên tắc lựa chọn trường hợp kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế theo Thông tư số 94/2026/TT-BTC là gì?

Trả lời: Tối đa 90% theo kết quả phân tích rủi ro, tối đa 10% lựa chọn ngẫu nhiên. Việc lựa chọn dựa trên kết quả phân tích, đánh giá, phân loại mức độ tuân thủ pháp luật thuế và mức độ rủi ro của người nộp thuế không dưới 90% tổng số trường hợp kiểm tra theo kế hoạch hằng năm; trường hợp được lựa chọn ngẫu nhiên không quá 10% tổng số trường hợp kiểm tra theo kế hoạch hằng năm.

Câu 20. Việc lựa chọn kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế có phải bảo đảm không chồng chéo với các hoạt động thanh tra, kiểm tra khác không?

Trả lời: Có. Việc lựa chọn người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro để xây dựng kế hoạch kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế không được chồng chéo về nội dung, phạm vi và thời gian với hoạt động kiểm tra thuế khác và các hoạt động thanh tra, kiểm tra khác theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, các văn bản hướng dẫn thi hành luật và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Câu 21. Đối với hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng rủi ro cao, cơ quan thuế xử lý như thế nào?

Trả lời: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra trước, hoàn thuế sau (trừ trường hợp được quy định riêng khi hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế trước đó không phát hiện hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn và không thuộc diện rủi ro cao thuộc nhóm tiêu chí chấm điểm khác).

Câu 22. Đối với số tiền đề nghị hoàn có dấu hiệu rủi ro, cơ quan thuế xử lý ra sao?

Trả lời: Tạm dừng hoàn thuế để thu thập thông tin, rà soát, kiểm tra. Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày ban hành quyết định hoàn thuế, cơ quan thuế thực hiện thu thập thông tin, rà soát, kiểm tra số thuế tạm dừng hoàn của người nộp thuế và xử lý số thuế tạm dừng hoàn sau rà soát, kiểm tra theo quy định.

Câu 23. Kiểm tra sau hoàn thuế được thực hiện trong thời hạn bao lâu tùy theo mức độ rủi ro?

Trả lời: Đối với người nộp thuế có hồ sơ hoàn thuế rủi ro cao nhưng không thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế sau: trong thời hạn 01 năm kể từ ngày ban hành quyết định hoàn thuế. Đối với hồ sơ hoàn thuế rủi ro trung bình: trong thời hạn 03 năm. Đối với hồ sơ hoàn thuế rủi ro thấp: trong thời hạn 05 năm kể từ ngày ban hành quyết định hoàn thuế. Căn cứ tình hình thực tế, yêu cầu quản lý thuế, cơ quan thuế có thể thực hiện kiểm tra sau hoàn thuế trước thời hạn nêu trên.

Câu 24. Đối với hồ sơ miễn, giảm thuế rủi ro cao, cơ quan thuế xử lý như thế nào?

Trả lời: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế theo quy định trước khi ban hành quyết định miễn, giảm thuế. Đối với hồ sơ rủi ro trung bình và rủi ro thấp, hồ sơ được giải quyết theo đúng trình tự, thủ tục quy định; đồng thời được theo dõi, kiểm tra sau khi giải quyết miễn, giảm thuế theo kế hoạch hoặc khi phát sinh dấu hiệu rủi ro.

Câu 25. Đối với việc sử dụng hóa đơn điện tử, người nộp thuế rủi ro cao có thể bị áp dụng biện pháp gì?

Trả lời: Cơ quan thuế áp dụng các biện pháp quản lý phù hợp bao gồm: không chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, ngừng sử dụng hóa đơn điện tử hoặc thực hiện các biện pháp quản lý hóa đơn khác theo quy định. Đối với rủi ro trung bình và rủi ro thấp: thực hiện lựa chọn mẫu để rà soát, kiểm tra, xử lý theo quy định; tăng cường theo dõi, phân tích dữ liệu hóa đơn, chứng từ nhằm kịp thời phát hiện, ngăn ngừa rủi ro phát sinh; thực hiện hỗ trợ, hướng dẫn người nộp thuế tuân thủ đúng quy định.

V- NHỮNG LƯU Ý CHUNG

Câu 26. Người nộp thuế thuộc trường hợp nào bị giám sát trọng điểm về thuế?

Trả lời: Có một trong các dấu hiệu quy định tại Điều 9 Thông tư. Bao gồm: thực hiện giao dịch qua ngân hàng có dấu hiệu đáng ngờ theo pháp luật về phòng, chống rửa tiền liên quan đến trốn thuế, gian lận thuế; người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp bị khởi tố về hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn, chứng từ; có dấu hiệu rủi ro cao về thuế thuộc chuyên đề trọng điểm; thuộc mức không tuân thủ pháp luật thuế và không giải trình, bổ sung thông tin hoặc có giải trình, bổ sung thông tin nhưng không đầy đủ theo yêu cầu của cơ quan thuế.

Câu 27. Kết quả đánh giá, phân loại mức độ tuân thủ, mức độ rủi ro của người nộp thuế được quản lý ở đâu?

Trả lời: Kết quả đánh giá, phân loại mức độ tuân thủ, mức độ rủi ro của người nộp thuế được cập nhật trên Phân hệ quản lý tuân thủ và rủi ro thuế. Cơ quan thuế các cấp có trách nhiệm tổng hợp, cập nhật, quản lý thông tin, hồ sơ tuân thủ người nộp thuế, số đăng ký rủi ro để phục vụ công tác quản lý thuế trong toàn ngành thuế.

Câu 28. Nếu phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật thuế ngoài kết quả phân loại rủi ro tự động, cơ quan thuế có thể thay đổi biện pháp quản lý không?

Trả lời: Có. Nếu có thông tin nghi ngờ hoặc phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật thuế qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, qua đơn thư tố cáo, qua thông tin từ các cơ quan nhà nước, cơ quan điều tra, thủ trưởng cơ quan thuế quyết định thay đổi hình thức, mức độ kiểm tra, thay đổi biện pháp quản lý thuế khác theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Câu 29. Trường hợp có thay đổi thông tin làm thay đổi kết quả đánh giá nhưng hệ thống chưa tự động cập nhật thì xử lý thế nào?

Trả lời: Việc điều chỉnh được thực hiện thủ công bởi công chức thuế sau khi được người có thẩm quyền phê duyệt, theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư.

Câu 30. Người nộp thuế có được hưởng lợi gì khi tự nguyện đăng ký tuân thủ pháp luật thuế, chia sẻ dữ liệu điện tử với cơ quan thuế không?

Trả lời: Có – đây là một tiêu chí được ghi nhận trong đánh giá tuân thủ và phân loại rủi ro. Theo Phụ lục I, II, III kèm theo Thông tư, việc người nộp thuế tự nguyện đăng ký tuân thủ pháp luật thuế, sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu điện tử về sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ và các tài liệu liên quan đến nghĩa vụ thuế với cơ quan thuế là một tiêu chí riêng, được xem xét khi đánh giá, phân loại mức độ tuân thủ và mức độ rủi ro của người nộp thuế, được áp dụng chế độ ưu tiên trong quản lý thuế khi tuân thủ tốt và đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP.